

Số: 126/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 5587/SKHĐT-TTTr ngày 11 tháng 9 năm 2007 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2806/STP-VB, ngày 24 tháng 9 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 109/2005/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước; Chỉ thị số 29/2002/CT-UB, ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tăng cường quản lý nhà nước về đấu thầu và các quy định khác của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ

trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc và Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước thuộc thành phố, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Thành viên UBND thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- VP Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố;
- Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính;
- BQL các Khu Chế xuất và Công nghiệp;
- BQL Khu Đô thị mới Thủ Thiêm;
- BQL Khu Nam thành phố;
- BQL Khu Đô thị Tây Bắc;
- BQL Khu Công nghệ cao;
- VPHĐ-UB: các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

QUY ĐỊNH

**Về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng
vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND,
ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc quản lý thực hiện đối với các dự án đầu tư phát triển không nhằm mục đích kinh doanh (kể cả các dự án xây dựng nhà ở) sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố hoặc sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau nhưng trong đó vốn ngân sách nhà nước của thành phố có tỷ lệ lớn nhất và chiếm từ 30% tổng vốn đầu tư trở lên.

Ngân sách nhà nước của thành phố bao gồm từ các nguồn thu: thuế, phí, lệ phí và các nguồn thu khác theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Các dự án đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước và các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước nhằm mục đích kinh doanh: thực hiện theo Luật Đầu tư; các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA: thực hiện theo quy định về quản lý dự án ODA. Các dự án, kế hoạch chi thường xuyên từ nguồn vốn ngân sách chi sự nghiệp (trừ trường hợp chi cho đầu tư phát triển theo Thông tư số 27/2007/TT-BTC, ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức, thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố.

Điều 3. Chủ đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố

Chủ đầu tư là người sở hữu vốn hoặc là người được giao quản lý và sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình.

Việc xác định chủ đầu tư, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư thực hiện theo Luật Xây dựng, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ, Thông tư số 02/2007/TT-BXD, ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và theo các Luật, Nghị định có liên quan.

Chương II QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Điều 4. Quản lý đầu tư theo quy hoạch

1. Dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố phải phù hợp quy hoạch ngành đã được phê duyệt, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, phải tuân thủ các quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với dự án nhóm A không có trong quy hoạch ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối xin ý kiến các Bộ - Ngành Trung ương (trong thời hạn tối đa là 15 ngày) để Bộ quản lý ngành xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung quy hoạch; sau đó Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

3. Các dự án nhóm B, C thuộc khu vực chưa có quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ quy hoạch chung quận - huyện để có ý kiến về chức năng sử dụng đất, cung cấp các thông tin có liên quan đến địa điểm xây dựng, quy hoạch, kiến trúc và quy mô dân số của dự án (nếu là dự án phát triển nhà ở). Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân quận - huyện có văn bản hỏi ý kiến Sở Quy hoạch - Kiến trúc về quy hoạch, kiến trúc hoặc Sở quản lý ngành về quy hoạch phát triển ngành (đối với các dự án có liên quan đến quy hoạch ngành).

Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm cung cấp các thông tin nêu trên trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc; trong trường hợp cần phải hỏi ý kiến của các Sở thì thời gian có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của chủ đầu tư.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Sở quản lý ngành có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc và thỏa thuận về mặt quy hoạch ngành trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

4. Đối với các dự án sửa chữa, nâng cấp, nhưng không làm thay đổi chức năng, không mở rộng diện tích xây dựng, không tăng chiều cao, không vi phạm lộ giới, không thuộc diện phải di dời do gây ô nhiễm môi trường và phù hợp với quy hoạch thì không phải thực hiện việc thỏa thuận về quy hoạch, kiến trúc, nhưng phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân quận - huyện về sự phù hợp về công năng sử dụng công trình so với chức năng sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (hoặc quy hoạch chung quận - huyện) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ các dự án do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư và các dự án mà Ủy ban nhân dân quận - huyện đã thông qua trước khi chủ đầu tư trình các sở - ngành thẩm định dự án.

Điều 5. Kế hoạch đầu tư

1. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu của các sở - ngành, quận - huyện và các chủ đầu tư vào cuối tháng 10 hàng năm; thống nhất với Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố vào thời điểm giữa tháng 11 về kế hoạch đầu tư xây dựng và danh mục các dự án sẽ tổ chức thực hiện trong năm sau (kể cả danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư) để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Đối với các dự án cấp bách cần bổ sung vào danh mục dự án để tổ chức thực hiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định trong kỳ họp giữa năm.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng được Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ theo khả năng cân đối vốn và tiến độ thực hiện của từng dự án; được điều chỉnh, bổ sung hàng quý thông qua công tác giám định đầu tư.

3. Điều kiện ghi kế hoạch đầu tư:

a) Các dự án được ghi vào kế hoạch chuẩn bị đầu tư phải phù hợp với quy hoạch được duyệt hoặc được người có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư bằng văn bản.

Nội dung đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm: tên dự án, tên chủ đầu tư, địa điểm thực hiện dự án, sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu và quy mô đầu tư, khái toán tổng mức đầu tư (trong đó có ước chi phí bồi thường, giải tỏa và tái định cư), các nguồn vốn dự kiến huy động để thực hiện dự án, ước chi phí lập dự án và thời gian triển khai dự án.

b) Các dự án được ghi kế hoạch vốn để thực hiện dự án phải có quyết định đầu tư trước ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch và phải có đủ thiết kế, dự toán, tổng dự toán được phê duyệt theo quy định. Các dự án có quyết định đầu tư sau ngày 31 tháng 10 của năm trước phải được Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện (đối với các dự án sử dụng vốn phân cấp) xem xét, quyết định việc ghi kế hoạch vốn để thực hiện dự án đối với từng trường hợp cụ thể.

Các dự án đã có quyết định đầu tư nhưng chưa có thiết kế, dự toán, tổng dự toán được duyệt thì chỉ được ghi kế hoạch vốn để làm công tác chuẩn bị thực hiện dự án.

c) Những dự án nhóm A, B nếu chưa có thiết kế, dự toán, tổng dự toán được duyệt, nhưng trong quyết định đầu tư đã quy định mức vốn của từng hạng mục và đã có thiết kế, dự toán của hạng mục thì công trong năm được phê duyệt thì được ghi kế hoạch thực hiện hạng mục đó.

Đối với các dự án nhóm A, B có nhiều dự án thành phần (tiểu dự án) mà mỗi dự án thành phần có thể vận hành độc lập đã được xác định mức vốn đầu tư của dự án thành phần đó trong quyết định đầu tư thì từng dự án thành phần này được thực hiện đầu tư như một dự án độc lập.

4. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về số vốn đề xuất giao kế hoạch và những trì trệ hoặc thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện chỉ tiêu được giao của ngành, địa phương mình phụ trách.

Chương III

LẬP DỰ ÁN, THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ; THẨM ĐỊNH DỰ ÁN; LẬP VÀ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, DỰ TOÁN, TỔNG DỰ TOÁN; GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 6. Lập dự án đầu tư

1. Căn cứ vào quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư tự phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí lập dự án (bao gồm chi phí khảo sát, đo vẽ hiện trạng, lập thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công, lập dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình và một số chi phí cần thiết khác).

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập dự án đầu tư hoặc lựa chọn tư vấn lập dự án đầu tư theo quy định tại Điều 5, Điều 53 và Điều 54 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ; Điều 41 của Luật Xây dựng; Mục 1 Chương II của Luật Đấu thầu.

Thời gian lập dự án được tính từ khi có quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư đến khi chủ đầu tư trình duyệt dự án. Thời gian để lập dự án nhóm C không quá 06 (sáu) tháng, nhóm B không quá 10 (mười) tháng. Trong trường hợp đấu thầu để lựa chọn tư vấn lập dự án hoặc phải tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình, thời gian lập dự án được kéo dài thêm nhưng không quá 03 (ba) tháng.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung, chất lượng và thời gian lập dự án theo quy định nêu trên. Trường hợp thuê tư vấn lập dự án, chủ đầu tư phải có trách nhiệm quy định rõ trong hợp đồng ký kết với đơn vị tư vấn về nội dung, chất

lượng và thời gian lập dự án. Trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất và mức độ sai phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chủ đầu tư phải có trách nhiệm quy định trong hợp đồng việc thực hiện các biện pháp chế tài đối với đơn vị tư vấn. Trường hợp đơn vị tư vấn lập dự án vi phạm về nội dung, chất lượng và thời gian lập dự án thì sẽ bị áp dụng các biện pháp chế tài theo các điều khoản đã quy định trong hợp đồng và theo quy định của Nghị định số 126/2004/NĐ-CP, ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà và Nghị định số 53/2007/NĐ-CP, ngày 04 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư. Trường hợp dự án bị đình chỉ thực hiện do lỗi của đơn vị tư vấn thì ngoài việc thực hiện các biện pháp chế tài nêu trên, chủ đầu tư còn có trách nhiệm thu hồi toàn bộ kinh phí chuẩn bị đầu tư đã được tạm ứng cho đơn vị tư vấn để hoàn trả lại cho ngân sách. Không được sử dụng tiền ngân sách cấp hoặc tiền có nguồn gốc ngân sách để hoàn trả.

3. Căn cứ quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, quyết định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí nghiên cứu lập dự án, quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn lập dự án (nếu có), hợp đồng kinh tế (nếu có), Kho bạc Nhà nước thành phố tạm ứng và thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư cho chủ đầu tư theo quy định.

Điều 7. Thẩm định thiết kế cơ sở

1. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Quy định này.

Giao Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn chi tiết về nội dung thẩm định thiết kế cơ sở theo hướng cải cách hành chính.

2. Đối với công trình theo quy định phải thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy, khi thẩm định thiết kế cơ sở, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định về phương án phòng cháy chữa cháy. Giao Sở Xây dựng phối hợp với Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy để thống nhất các nội dung cần thẩm định về phương án phòng cháy chữa cháy khi thẩm định thiết kế cơ sở.

3. Đối với những nơi chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các sở - ngành có liên quan về việc đấu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật (nếu cần). Các sở - ngành liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận yêu cầu và hồ sơ đính kèm của cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở.

4. Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm kết luận thiết kế cơ sở có đủ điều kiện hay không đủ điều kiện để xem xét phê duyệt cùng với dự án đầu tư xây dựng công trình. Trường hợp không đủ điều kiện xem xét phê duyệt thiết kế cơ sở hoặc cần phải sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (chỉ một lần) tất cả các nội dung yêu cầu chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để đảm bảo thiết kế cơ sở đủ điều kiện xem xét phê duyệt, trong thời gian tối đa không quá 5 (năm) ngày làm việc đối với dự án nhóm C, không quá 8 (tám) ngày làm việc đối với dự án nhóm A, B, kể từ khi nhận được hồ sơ trình thẩm định thiết kế cơ sở. Chủ đầu tư có trách nhiệm chỉnh sửa và bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở trong thời gian không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc.

Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm gửi kết quả thẩm định thiết kế cơ sở đến cơ quan thẩm định dự án, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng một bản.

5. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở phải đảm bảo đúng quy định (không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

6. Đối với các công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình để trình người quyết định đầu tư phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

7. Trường hợp chất lượng hồ sơ được đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở không cao, phải điều chỉnh nhiều hơn 2 (hai) lần nhưng vẫn không đạt yêu cầu, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở được quyền ra văn bản không thẩm định nhưng vẫn thu lệ phí thẩm định thiết kế cơ sở. Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư về hướng xử lý đối với các trường hợp này.

8. Nghiêm cấm các cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở áp đặt thêm các thủ tục hành chính ngoài quy định.

Điều 8. Về công tác thẩm định dự án

1. Tổ chức thẩm định dự án:

a) Các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định đối với các dự án được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư. Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng dự án, cơ quan thẩm định dự án sẽ có văn bản hoặc tổ chức hội nghị tư vấn để lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn nhưng vẫn đảm bảo đúng thời gian quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư các dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Đối với các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư, hồ sơ trình thẩm định dự án bao gồm dự án và thiết kế cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định đủ điều kiện để phê duyệt. Đối với các dự án đã ủy quyền cho Giám đốc các Sở hoặc phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư, hồ sơ trình thẩm định dự án có thể được trình cùng lúc với hồ sơ trình thẩm định thiết kế cơ sở.

c) Đối với các công trình chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, các tổ chức, cá nhân được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình và quyết định đầu tư theo lĩnh vực đã được phân công. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của công trình xây dựng bao gồm sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu xây dựng công trình; địa điểm xây dựng; quy mô, công suất; cấp công trình; nguồn kinh phí xây dựng công trình; thời hạn xây dựng; hiệu quả công trình; phòng chống cháy, nổ; bản vẽ thiết kế thi công và dự toán công trình. Chủ đầu tư không phải lập và phê duyệt dự toán, tổng dự toán sau khi có quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền.

d) Đối với các dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị mà không có xây lắp: Sở Tài chính (đối với các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố và các sở - ngành quyết định đầu tư), Phòng Tài chính - Kế hoạch của các quận - huyện (đối với các dự án do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư) làm đầu mối thẩm định về giá máy móc, thiết bị trước khi chủ đầu tư trình thẩm định dự án. Thời gian để Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch của các quận - huyện thẩm định về giá máy móc, thiết bị tối đa không quá 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Căn cứ dự án đầu tư được duyệt, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập và phê duyệt dự toán.

Đối với các trường hợp mua sắm máy móc, trang thiết bị không có xây lắp và được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép không phải lập dự án (hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật), Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư lập dự toán, trình Sở Tài chính phê duyệt.

đ) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố đã được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép tách phần giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập để

thực hiện trước: Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt dự án (phương án) giải phóng mặt bằng.

e) Khi thẩm định dự án, nếu tổng mức đầu tư thực tế vượt hơn so với tổng vốn đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận trong kế hoạch chuẩn bị đầu tư, nhưng giá trị xây lắp và thiết bị vượt không quá 15% so với dự kiến ban đầu, không làm thay đổi tính chất nhóm của dự án và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu đầu tư của dự án thì cơ quan thẩm định được tiếp nhận hồ sơ để thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định dự án và trình duyệt theo quy định. Trường hợp giá trị xây lắp và thiết bị vượt quá 15% so với dự kiến ban đầu, cơ quan thẩm định dự án phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để xin lại chủ trương đầu tư.

g) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường công bố công khai danh mục những dự án phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Đối với các dự án không thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ đầu tư phải thực hiện đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 80/2006/NĐ-CP, ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trước khi trình duyệt dự án.

2. Thời gian thẩm định dự án và quyết định đầu tư:

a) Thời gian thẩm định dự án nhóm A không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc, dự án nhóm B không quá 10 (mười) ngày làm việc; thời gian quyết định đầu tư dự án nhóm A không quá 10 (mười) ngày làm việc, dự án nhóm B không quá 05 (năm) ngày làm việc; thời gian thẩm định và quyết định đầu tư dự án nhóm C không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Trường hợp chưa đủ điều kiện để xem xét thẩm định dự án hoặc cần phải sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện dự án, cơ quan thẩm định dự án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (chỉ một lần) tất cả các nội dung yêu cầu chủ đầu tư sửa đổi bổ sung, trong thời gian tối đa không quá 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ dự án.

c) Trường hợp dự án đã chỉnh sửa nhiều hơn 2 (hai) lần nhưng vẫn không đạt yêu cầu, cơ quan thẩm định dự án ra văn bản không thẩm định nhưng vẫn thu lệ phí thẩm định. Cơ quan thẩm định dự án có trách nhiệm báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư về hướng xử lý đối với các trường hợp này.

Điều 9. Về lập và phê duyệt thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công), dự toán, tổng dự toán

1. Thời gian để lựa chọn tư vấn lập thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công), dự toán, tổng dự toán.

Đối với trường hợp chỉ định thầu, tối đa không quá 01 (một) tháng; đối với trường hợp đấu thầu, tối đa không quá 03 (ba) tháng, kể từ khi có quyết định đầu tư.

2. Thời gian thực hiện hoàn thành việc lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công), dự toán, tổng dự toán không quá 12 (mười hai) tháng đối với dự án nhóm A, không quá 08 (tám) tháng đối với dự án nhóm B, không quá 06 (sáu) tháng đối với dự án nhóm C kể từ ngày ký hợp đồng tư vấn. Riêng đối với trường hợp phải thiết kế ba bước, thời gian thực hiện hoàn thành các nội dung nêu trên được kéo dài thêm 03 (ba) tháng.

3. Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công), dự toán, tổng dự toán theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ và gửi các quyết định phê duyệt đến cơ

quan quyết định đầu tư, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở và Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời gian tối đa không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

Điều 10. Về Giấy phép xây dựng (cấp mới, điều chỉnh, gia hạn)

Các nội dung về Giấy phép xây dựng thực hiện đúng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005; khoản 9 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và theo Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Xây dựng.

Chương IV
VỀ PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN

Điều 11. Về thẩm định thiết kế cơ sở

1. Sở Giao thông - Công chính chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành giao thông công chính; Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C thuộc phạm vi quản lý của ngành công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành thủy lợi, đê điều, nông-lâm-ngư-diêm nghiệp; Sở Bưu chính, Viễn thông tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông; Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành tài nguyên, môi trường; Sở Xây dựng tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp khác (trừ các công trình công nghiệp do Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định) và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu.

Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở là một trong các Sở nêu trên có chức năng quản lý công trình quyết định tính chất, mục tiêu của dự án. Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở quản lý công trình chuyên ngành và cơ quan liên quan để thẩm định thiết kế cơ sở. Thủ trưởng các sở chuyên ngành và các cơ quan liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án nhóm C đã phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận -huyện quyết định đầu tư (trừ chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông).

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra hàng năm việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong công tác thẩm định thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công) của các đơn vị có liên quan nêu trên.

Điều 12. Về quyết định đầu tư

1. Ngoài thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách quận - huyện, phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận -huyện quyết định đầu tư các dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố phân cấp cho quận - huyện quản lý, các dự án sử dụng các nguồn thu được thành phố để lại cho quận - huyện chi đầu tư phát triển và nguồn vốn huy động của các thành phần kinh tế để chi cho đầu tư, sau khi danh mục dự án đã được Hội đồng nhân dân quận - huyện thông qua. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình đầu tư và xây dựng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khối lượng làm tổng mức vốn đầu tư của dự án vượt hơn nhóm C, Ủy ban nhân dân quận - huyện phải báo cáo và được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận bằng văn bản mới được quyết định điều chỉnh dự án đầu tư.

Đối với các dự án có liên quan hoặc gắn kết với các công trình hạ tầng kỹ thuật do các sở - ngành thành phố quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận -huyện phải lấy ý

kiến của các sở - ngành trước khi quyết định đầu tư. Thủ trưởng các sở - ngành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

2. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện đối với các dự án nhóm C do các đơn vị trực thuộc các quận - huyện làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố, sau khi các dự án này đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua chủ trương đầu tư và được Ủy ban nhân dân thành phố giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thẩm định thiết kế cơ sở, quyết định đầu tư, thẩm định và phê duyệt các nội dung liên quan đến công tác đấu thầu, tổ chức triển khai thực hiện dự án cho đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao và quyết toán công trình (trừ các dự án thuộc chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông). Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí đủ vốn cho dự án theo tiến độ thực hiện.

3. Phân cấp cho Giám đốc các Sở: Sở Giao thông - Công chính, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Bưu chính, Viễn thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố do mình tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở; phân cấp cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố không thuộc đối tượng phải lập thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công và các dự án đầu tư trên địa bàn các tỉnh; trừ các dự án nhóm C đã phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

Giám đốc các Sở nêu trên phải tổ chức thực hiện công tác thẩm định thiết kế cơ sở và thẩm định, quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C theo hướng cải cách hành chính (một cửa).

4. Các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp quyết định đầu tư nêu trên có trách nhiệm gửi một bản quyết định đầu tư về Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp báo cáo, trong thời gian tối đa không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

Điều 13. Về công tác đấu thầu

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt:

a) Kế hoạch đấu thầu của các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quyết định đầu tư.

b) Hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên, gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp có giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên, thuộc các dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố.

2. Phân cấp cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu), kết quả lựa chọn nhà thầu (kể cả trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu) đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có giá trị dưới 5 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp có giá trị dưới 50 tỷ đồng, thuộc các dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố, trừ các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của chủ đầu tư.

3. Phân cấp cho Giám đốc các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông - Công chính, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Bưu chính, Viễn thông, Sở Xây dựng thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu), kết quả lựa chọn nhà thầu (kể cả trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu) đối với gói thầu thuộc các dự án nhóm B, C đã được

Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho các Sở quyết định đầu tư; trừ các gói thầu thuộc các dự án đã phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư và các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của chủ đầu tư.

Giám đốc các Sở nêu trên chịu trách nhiệm quy định đơn vị thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) và kết quả lựa chọn nhà thầu của các gói thầu do mình phê duyệt; xử lý các tình huống và giải quyết các kiến nghị trong đấu thầu; xem xét, quyết định việc điều chỉnh hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu.

4. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện:

Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu), kết quả lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 61 của Luật Đấu thầu.

6. Quy định về thời gian trong đấu thầu thực hiện theo Điều 31 của Luật Đấu thầu.

Điều 14. Giám sát, đánh giá đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ giám sát đánh giá đầu tư đối với các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quyết định đầu tư; hướng dẫn các Sở, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các chủ đầu tư thực hiện giám sát đánh giá đầu tư; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ việc thực hiện công tác giám sát đánh giá tổng thể đầu tư của thành phố.

2. Các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện và chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư hoặc được giao làm chủ đầu tư; định kỳ hàng quý báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Về công tác giám sát đầu tư của cộng đồng: thực hiện theo các nội dung quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KHĐT-UBTUMTTQVN-TC, ngày 04 tháng 12 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và Chỉ thị số 34/2006/CT-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 15. Điều chỉnh, ngừng, đình chỉ dự án đầu tư

1. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật):

Khi điều chỉnh dự án (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật) không làm thay đổi quy mô (công suất, diện tích xây dựng, các hạng mục công trình chính, công trình phụ và các công trình khác), không làm thay đổi mục tiêu đầu tư và không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư được phép tự quyết định điều chỉnh dự án (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật). Trường hợp điều chỉnh dự án (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật) làm thay đổi thiết kế cơ sở (hoặc thiết kế bản vẽ thi công) về kiến trúc, quy hoạch, quy mô, mục tiêu đầu tư ban đầu hoặc vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Những nội dung thay đổi phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định lại. Người quyết định điều chỉnh dự án (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Các cấp có thẩm quyền không được phép điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

2. Trong quá trình thiết kế (đối với công trình phải lập dự án đầu tư), nếu tổng dự toán sau khi thẩm định vượt tổng mức đầu tư được duyệt thì chủ đầu tư phải xem xét điều chỉnh lại thiết kế, tổng dự toán và báo cáo lại người quyết định đầu tư; nếu điều

chỉnh lại thiết kế mà tổng dự toán vẫn vượt tổng mức đầu tư thì phải trình phê duyệt lại dự án. Trường hợp tổng dự toán không vượt tổng mức đầu tư nhưng có sự thay đổi về cơ cấu vốn so với tổng mức đầu tư được duyệt, chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi phê duyệt tổng dự toán và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Dự án đầu tư được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần; dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của dự án.

4. Dự án bị xử lý hủy bỏ hoặc ngừng trong các trường hợp sau:

a) Dự án sẽ bị hủy bỏ (hoặc giao cho chủ đầu tư khác thực hiện) nếu sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày quyết định đầu tư, chủ đầu tư không thực hiện triển khai các bước tiếp theo mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quyết định đầu tư.

b) Dự án bị ngừng nếu chủ đầu tư tự thay đổi mục tiêu của dự án mà không được người có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và chỉ được tiếp tục triển khai thực hiện sau khi làm rõ nguyên nhân, đánh giá lại hiệu quả đầu tư trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét và cho phép thực hiện.

c) Mọi thiệt hại do dự án thực hiện triển khai chậm hoặc bị hủy bỏ hoặc thực hiện sai so với quyết định đầu tư, chủ đầu tư phải làm rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể có liên quan và báo cáo người có thẩm quyền để xử lý bồi thường theo pháp luật.

Điều 16. Quyết toán vốn đầu tư

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư; thẩm định và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm B, C do các Sở quyết định đầu tư. Ủy ban nhân dân quận - huyện thẩm định và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm C do mình quyết định đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các dự án từ nhóm B trở lên, hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 phải thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư trước khi thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Các dự án còn lại phải thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

3. Thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư và trách nhiệm của các bên liên quan thực hiện theo Thông tư số 27/2007/TT-BTC, ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 33/2007/TT-BTC, ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và Thông tư số 98/2007/TT-BTC, ngày 09 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC, ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

Điều 17. Quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố thực hiện đúng theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

2. Phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng:

a) Sở Giao thông - Công chính, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Bru chính, Viễn thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình do mình tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở hoặc cấp phép xây dựng.

b) Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư hoặc cấp giấy phép xây dựng. Phòng Quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm theo dõi việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình đối với công trình thuộc dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn quyết định đầu tư và cấp phép xây dựng. Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm theo dõi, đề xuất để phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan đơn vị quản lý nhà, chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng nhà để tiến hành kiểm tra, thống kê tình trạng nhà công sở, nhà ở, các khu nhà tập thể cũ, chung cư xuống cấp không đảm bảo an toàn để có giải pháp khắc phục; hướng dẫn giải quyết những hư hỏng công trình lân cận do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra và báo cáo kết quả về Sở Xây dựng.

3. Chế độ báo cáo công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng:

Hàng năm, các Sở và Ủy ban nhân dân quận - huyện được giao trách nhiệm quản lý chất lượng công trình nêu trên phải lập kế hoạch kiểm tra chất lượng công trình và tổ chức thực hiện. Kết quả kiểm tra chất lượng công trình của các Sở và Ủy ban nhân dân quận - huyện phải báo cáo hàng quý và báo cáo tổng hợp 6 tháng, cả năm gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; thời gian gửi báo cáo cho Sở Xây dựng, đối với báo cáo quý không quá ngày 25 tháng thứ 3 của quý, không quá ngày 25 tháng 6 và ngày 25 tháng 12 đối với báo cáo tổng hợp 6 tháng, cả năm.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi có phản ánh bằng văn bản của cá nhân, tổ chức hoặc phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng về chất lượng xây dựng của công trình cụ thể, các Sở và quận - huyện nêu tại khoản 2 của Điều này phải thực hiện việc kiểm tra hiện trường; sau khi kiểm tra có các biện pháp xử lý (nếu có vi phạm). Kết quả kiểm tra và xử lý phải báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan chức năng theo quy định và trả lời cho cá nhân, tổ chức phản ánh.

5. Việc quản lý về tiến độ, khối lượng thi công, an toàn lao động, môi trường xây dựng thực hiện theo các Điều 31, Điều 32, Điều 33 và Điều 34 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ và theo các quy định của các ngành có liên quan.

6. Các Sở nêu tại khoản 2 Điều này phải tổ chức bộ phận chuyên trách để giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng.

7. Việc cấp Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo Thông tư số 11/2005/TT-BXD, ngày 14 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng.

Chương V **VỀ XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP**

Điều 18. Về quản lý dự án

Các Ban Quản lý Dự án chuyên ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, các Ban Quản lý Dự án trực thuộc các sở - ban - ngành và các Ban Quản lý Dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục làm chủ đầu tư các dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao kế hoạch vốn để thực hiện dự án đầu tư trong năm 2007, cho đến khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, nghiệm thu, thanh quyết toán.

Điều 19. Về xử lý chuyển tiếp việc điều chỉnh dự án theo Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ

1. Đối với các dự án đã được quyết định đầu tư trước ngày Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ có hiệu lực thi hành, cho phép áp dụng Điều 13 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ để điều chỉnh dự án.

2. Khi điều chỉnh dự án, thẩm quyền thẩm định và quyết định điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư: các Sở chuyên ngành chịu trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh dự án.

b) Đối với các dự án nhóm C do các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố: các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện việc thẩm định và quyết định điều chỉnh dự án. Trường hợp khi điều chỉnh dự án đã làm thay đổi nhóm dự án từ nhóm C lên nhóm B (căn cứ theo quy định về phân loại nhóm dự án đầu tư xây dựng công trình ban hành kèm theo Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ), các Sở chuyên ngành chịu trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh dự án.

Điều 20. Về phê duyệt và điều chỉnh thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công), dự toán, tổng dự toán đối với các dự án đã được quyết định đầu tư theo quy định của Nghị định số 52/1999/NĐ-CP

Các chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán (kể cả khối lượng phát sinh) của các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng đã được quyết định đầu tư hoặc duyệt điều chỉnh trước ngày Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ có hiệu lực thi hành. Giao Sở Xây dựng tổ chức hướng dẫn chủ đầu tư về việc thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán đối với các trường hợp nêu trên.

Điều 21. Về xử lý chuyển tiếp đối với Quyết định số 109/2005/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước

1. Đối với các dự án nhóm B đã được các Sở chuyên ngành thẩm định thiết kế cơ sở nhưng chưa được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hoặc đang trong quá trình thẩm định (chưa trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư), chủ đầu tư nhận lại hồ sơ dự án để trình các Sở chuyên ngành thẩm định và quyết định đầu tư theo Quy định này.

2. Đối với các dự án nhóm B, C thuộc chuyên ngành tài nguyên, môi trường đã được Sở Xây dựng thẩm định thiết kế cơ sở, đang trong quá trình trình thẩm định dự án, chủ đầu tư nhận lại hồ sơ dự án để trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và quyết định đầu tư theo Quy định này.

3. Đối với các dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố do các đơn vị trực thuộc các quận - huyện làm chủ đầu tư, thực hiện chuyển tiếp như sau:

- Các dự án đã được các Sở chuyên ngành thẩm định thiết kế cơ sở nhưng chưa có quyết định đầu tư: phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện cho đến khi nghiệm thu, bàn giao và quyết toán công trình theo Quy định này.

- Các dự án đã được các Sở chuyên ngành quyết định đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: các Sở đã quyết định đầu tư dự án tiếp tục phê duyệt các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh dự án, đấu thầu; Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định và phê duyệt quyết toán.

4. Đối với các gói thầu của các dự án nhóm B sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ mời thầu, đang trong quá trình tổ chức đấu thầu: phân cấp cho Giám đốc các Sở chuyên ngành thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo Quy định này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện phải thực hiện các nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định của Quy định này và phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố nếu để xảy ra tình trạng thụ lý hồ sơ vượt quá thời gian quy định.

Khi hỏi ý kiến của các cơ quan có liên quan, cơ quan hỏi ý kiến phải nêu rõ chính kiến của cơ quan mình. Nếu quá thời gian cho phép mà cơ quan được hỏi không trả lời, thì xem như chấp thuận về vấn đề được hỏi ý kiến và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung được hỏi ý kiến; cơ quan hỏi ý kiến thực hiện các bước tiếp theo mà không phải chờ văn bản của cơ quan được hỏi ý kiến.

Điều 23. Chủ đầu tư có trách nhiệm phải quy định rõ trong hợp đồng việc thực hiện các biện pháp chế tài đối với đơn vị tư vấn đầu tư, đơn vị thi công công trình đúng theo Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ và những văn bản có liên quan quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà ở.

Điều 24. Giao cho Sở Nội vụ phối hợp với các sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện nghiên cứu đề chuyển đổi bộ máy, tổ chức của các Ban Quản lý Dự án chuyên ngành, Ban Quản lý Dự án khu vực theo quy định hiện hành.

Giao Giám đốc Sở Nội vụ và Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố về chế độ khen thưởng và xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quy định này.

Điều 25. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Quy định này, làm đầu mối để tập hợp các báo cáo, vướng mắc và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân